



TRUNG TÂM THÔNG TIN TÍN DỤNG QUỐC GIA VIỆT NAM - NHNN
VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1800.585891

Fax: (024)33527801

Email: htkh@creditinfo.org.vn

Web: <http://www.cic.org.vn>

Số: 2023/S11A

BÁO CÁO CHI TIẾT QUAN HỆ TÍN DỤNG

(Khách hàng Thể nhân)

Đơn vị tra cứu: Ngân hàng TMCP Phương Đông

Địa chỉ: 41 & 45 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Người tra cứu: h79333001duy3

Điện thoại:

Mã số phiếu: OCB20230428.VN0010001.2786196

Thời gian yêu cầu: 08:40 - 28/04/2023

Thời gian gửi báo cáo: 08:40 - 28/04/2023

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:	TRAN MANH CUONG
Mã CIC:	2731257629
Địa chỉ:	PHA LAI DUC LONG QUE VO BAC NINH
Mã số thuế/ Mã số DN:	
Số chứng minh nhân dân:	027089003921,125387327
Giấy tờ cá nhân khác:	
Ghi chú:	

II. THÔNG TIN ĐIỂM TÍN DỤNG

Điểm tín dụng: 584 Hạng: 5 Ngày chấm điểm: 21/03/2023	ĐÁNH GIÁ ĐIỂM TÍN DỤNG Xếp hạng của khách hàng: 47 Điểm tín dụng của khách hàng cao hơn điểm tín dụng của 47% tổng số khách hàng cá nhân được chấm điểm tại kho dữ liệu CIC
---	---

CHI TIẾT ĐIỂM VÀ HẠNG

	Xấu		Dưới Trung bình		Trung bình		Tốt		Rất tốt	
Hạng	10	09	08	07	06	05	04	03	02	01
Điểm	403-429	430-454	455-479	480-544	545-571	572-587	588-605	606-621	622-644	645-706

↑

Điểm
hạng
của
khách
hàng

Lưu ý:

Điểm tín dụng của khách hàng vay được CIC đánh giá trên toàn bộ dữ liệu quan hệ tín dụng của khách hàng vay (không áp dụng chính sách ẩn nợ xấu nhỏ đã tắt toán) tại thời điểm cuối tháng gần nhất so với thời điểm chấm. Điểm tín dụng được CIC chấm cập nhật định kỳ hàng tháng theo biến động thông tin dụng của khách hàng vay.

III. QUAN HỆ TÍN DỤNG

A. THÔNG TIN DƯ NỢ HIỆN TẠI

3.1. Chi tiết về nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng, USD

Loại dư nợ	VNĐ	USD
1. 01826001 - Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Ngày báo cáo gần nhất: 24/04/2023		
Dư nợ cho vay ngắn hạn	14	0
Dư nợ đủ tiêu chuẩn	14	0
Tổng cộng	14	0
2. 01828001 - Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt		
Ngày báo cáo gần nhất: 26/04/2023		
Dư nợ cho vay ngắn hạn	10	0
Dư nợ đủ tiêu chuẩn	10	0
Tổng cộng	10	0
3. 01833001 - Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Ngày báo cáo gần nhất: 19/04/2023		
Dư nợ cho vay trung hạn	19	0
Dư nợ đủ tiêu chuẩn	19	0
Tổng cộng	19	0
4. 79358001 - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh		
Ngày báo cáo gần nhất: 13/04/2023		
Dư nợ cho vay ngắn hạn	5	0

Dư nợ đủ tiêu chuẩn	5	0
Tổng cộng	5	0
5. 79823001 - Công ty Tài chính TNHH HD SaiSon		
Ngày báo cáo gần nhất: 31/03/2023		
Dư nợ cho vay trung hạn	12	0
Dư nợ đủ tiêu chuẩn	12	0
Tổng cộng	12	0
Tổng cộng	60	0

3.2. Thông tin Thẻ tín dụng và dư nợ thẻ tín dụng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng hạn mức thẻ tín dụng	170 triệu đồng
2	Tổng số tiền phải thanh toán thẻ	165 triệu đồng
3	Tổng số tiền chậm thanh toán thẻ	0 triệu đồng
4	Số lượng thẻ tín dụng	4 thẻ
5	Tên tổ chức phát hành thẻ	1. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 2. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa 3. Ngân hàng TMCP Tiên Phong 4. Công ty Tài chính TNHH HD SaiSon

3.3. Dư nợ đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)

Hiện tại, khách hàng không có dư nợ đã bán cho VAMC.

B.THÔNG TIN LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG

3.4. Diễn biến dư nợ 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

Thời gian	Dư nợ vay	Dư nợ thẻ	Tổng dư nợ
03/2023	53	165	218
02/2023	53	135	188
01/2023	21	163	184
12/2022	21	166	187
11/2022	0	161	161
10/2022	5	42	47
09/2022		84	84
08/2022		45	45
07/2022		39	39

06/2022		18	18
05/2022		4	4
04/2022		0	0

Ghi chú: (*): Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
 (-): Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.5. Lịch sử nợ xấu tín dụng trong 05 năm gần nhất

Khách hàng không có nợ xấu trong 05 năm gần nhất.

3.6. Lịch sử chậm thanh toán thẻ tín dụng trong 03 năm gần nhất

Khách hàng không có chậm thanh toán thẻ tín dụng trong 03 năm gần nhất.

3.7. Nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất

Khách hàng không có nợ cần chú ý trong 12 tháng gần nhất.

IV.MỘT SỐ THÔNG TIN TỔNG HỢP KHÁC

4.1.Thông tin về bảo đảm tiền vay

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Bảo đảm tiền vay bằng tài sản	Không có
2	Số lượng tài sản bảo đảm	
3	Số TCTD có tài sản bảo đảm	

4.2.Thông tin về hợp đồng tín dụng

STT	Hợp đồng tín dụng	Tên TCTD	Ngày ký hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng
1	1000322120178014	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	19/12/2022	19/12/2025
2	439646T12	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	12/04/2023	12/04/2028
3	DL026545300	Công ty Tài chính TNHH HD SaiSon		
4	MM23022603222	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	26/02/2023	26/11/2023
5	SL00000017707505	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	07/02/2023	07/02/2024

4.3.Danh sách TCTD tra cứu thông tin về khách hàng (trong 1 năm gần nhất)

STT	Tên tổ chức/ Chi nhánh TCTD	Mã TCTD	Sản phẩm tra cứu	Ngày tra cứu	Thời gian
1	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	Thẻ TD	19/07/2022	13:55:39
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	Thẻ TD	19/07/2022	13:55:40
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	QHTD	19/07/2022	13:56:49
4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	01358001	Thẻ TD	07/09/2022	16:42:20
5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	01358001	QHTD	07/09/2022	16:45:18
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	01309001	Thẻ TD	19/10/2022	11:18:24
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	01309001	QHTD	19/10/2022	11:35:59
8	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	79617001	QHTD	26/02/2023	12:32:31
9	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	79617001	Thẻ TD	26/02/2023	12:32:32
10	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	79321001	Thẻ TD	27/02/2023	18:58:09
11	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	79321001	QHTD	27/02/2023	18:59:08
12	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	79617001	QHTD	28/03/2023	21:16:00
13	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	79617001	Thẻ TD	28/03/2023	21:16:01
14	Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam	79824001	Thẻ TD	30/03/2023	14:47:08
15	Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam	79824001	QHTD	30/03/2023	14:47:45
16	Ngân hàng TMCP Quân Đội	01311001	QHTD	31/03/2023	09:41:11
17	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	01358001	QHTD	12/04/2023	15:52:04
18	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	01358001	Thẻ TD	12/04/2023	15:52:44
19	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	01360002	QHTD	13/04/2023	09:36:41
20	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	Thẻ TD	13/04/2023	09:40:17
21	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	13/04/2023	09:45:30
22	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	13/04/2023	09:45:31
23	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	Thẻ TD	24/04/2023	16:46:48
24	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	24/04/2023	16:52:04
25	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	01317001	QHTD	25/04/2023	14:00:06

26	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	01309001	QHTD	25/04/2023	14:28:08
27	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	01309001	Thẻ TD	25/04/2023	14:31:29
28	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	Thẻ TD	26/04/2023	10:55:16
29	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	26/04/2023	11:00:23
30	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	26/04/2023	11:00:24
31	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	01317001	QHTD	27/04/2023	17:05:00
32	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	Thẻ TD	28/04/2023	08:30:16
33	Ngân hàng TMCP Phương Đông	79333001	QHTD	28/04/2023	08:40:21

IV.THÔNG TIN KHÁC VỀ KHÁCH HÀNG VAY

KẾT THÚC BÁO CÁO

Ghi chú: Báo cáo được tạo lập theo yêu cầu của khách hàng, đề nghị sử dụng thông tin đúng mục đích, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật hiện hành.